

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH
Bản án số: **36/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 08/9/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Ngô Gia Khánh.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K-
tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1988, ĐKKHKT và trú tại: xóm 12, xã S, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt)
- Bị đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm 1992; ĐKKHKT: xóm 12, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: xóm 15, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn B trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã A năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 12, xã A, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn, vì mâu thuẫn anh và chị T đã sống ly thân từ cuối năm 2020

Theo anh B thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chơi bời, nợ nần. Vì con cái nên anh đã nhiều lần khuyên giải và tha thứ nhưng chị T không thay đổi. Anh đã nhiều lần phải đứng ra trả nợ cho chị T nhưng đến cuối năm 2020 chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, ly thân với anh, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 3 con chung là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/12/2018. Khi ly hôn, ban đầu anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 3 con chung và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Sau đó anh thay đổi, anh yêu cầu được nuôi con chung là cháu O và N, để chị T nuôi dưỡng cháu C. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn chị Cao Thị T trong các biên bản làm việc ngày 01/7/2021, 23/7/2021 thể hiện:

Chị xác nhận điều kiện, thời gian kết hôn như anh B đã trình bày. Trong quá trình chung sống, giữa chị và anh B có xảy ra mâu thuẫn từ lâu nhưng nặng nề hơn là từ khi chị mang thai cháu thứ 3. Trong thời gian chị mang thai, anh B không quan tâm, hỏi han mà thường xuyên đánh đập chị. Do cuộc sống chung khổ cực nên chị về nhà bố mẹ để sinh sống.

Về con chung: Chị cũng xác nhận vợ chồng có 3 con chung như anh B đã nêu. Khi giải quyết ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 1 con chung là Trần Ngọc Bảo C.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của vợ chồng là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh B khi bố mẹ ly hôn

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ kiện: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Cao Thị T; giao anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012; giao chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/12/2018; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau; anh Bình phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Văn B khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với chị Cao Thị T, cư trú tại xóm 15, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn chị Cao Thị T đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn

phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Cao Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã A, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía anh B xác định mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chơi bời nợ nần nhưng anh không còn tài liệu chứng cứ nào để giao nộp cho Tòa án. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên giải, tha thứ và đứng ra trả nợ cho chị T nhưng chị T vẫn không thay đổi và tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, ly thân với anh.

Về phía chị T chị xác định nguyên nhân dẫn đến việc vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn là do anh B không quan tâm, chăm sóc chị, trong thời gian chị mang thai anh B còn chửi bới, đánh đập chị nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Khi anh B có yêu cầu ly hôn, chị không có quan điểm cụ thể, không tham gia vào quá trình giải quyết vụ án cũng như hòa giải tại Tòa án.

Xác minh tình trạng hôn nhân của anh B và chị T tại UBND xã A là nơi anh chị cư trú trước đây, thì chính quyền địa phương xác nhận anh B và chị T có xảy ra mâu thuẫn xích mích với nhau. Trong gia đình anh chị đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 15, xã Q để sinh sống từ năm 2019, không còn chung sống với anh Bình nữa.

Mặc dù nguyên nhân hai bên trình bày có khác nhau nhưng cả anh B và chị T đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu và ngày càng nặng nề, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian nhưng không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh B và chị T hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của anh B giải quyết ly hôn với chị T là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Qua xác minh và trình bày của anh B, chị T thì anh Trần Văn B và chị Cao Thị T có 03 con chung là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012 và Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/12/2018, hiện đang ở cùng anh B. Khi ly hôn, anh B yêu cầu được nuôi 2 con là cháu Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012, để chị T nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/12/2018, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Con chung của vợ chồng là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với anh B khi bố mẹ ly hôn.

Thực tế từ khi ly thân đến nay, con chung đều ở với anh B, do anh B nuôi dưỡng. Nhưng để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cho các cháu, cũng như theo yêu cầu của các đương sự thì việc giao cháu O và H cho anh B nuôi dưỡng, giao cháu C cho chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp

đưỡng nuôi con cho nhau theo đề xuất của anh B, chị T là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Anh Trần Văn B và chị Cao Thị T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc anh B phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa anh Trần Văn B và chị Cao Thị T.

2/ Về con chung: giao anh Trần Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Thị Kim O, sinh ngày 26/9/2009, Trần Hải N, sinh ngày 22/9/2012; giao chị Cao Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Ngọc Bảo C, sinh ngày 27/12/2018; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Anh Trần Văn B phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2602 ngày 31/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh